



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

MILINDAPAÑHAPĀḶI

&

MILINDA VẤN ĐẠO

12. BHIKKHUPAṆĀMITAPAÑHO

1. “Bhante nāgasena bhāsitampeṭaṃ bhagavatā: ‘**Akkodhano vigatakhīlo ’hamasmī** ’ti, puna ca tathāgato there sārīputtamoggallāne saṅgāse paṇāmesi. Kinu kho bhante nāgasena tathāgato kupīto paṇāmesi, udāhu tuṭṭho paṇāmesi? Eṭaṃ tāva jānāhi ‘imaṃ nāmā ’ti. Yadi bhante kupīto paṇāmesi, tena hi tathāgatassa kodho appativattito. Yadi tuṭṭho paṇāmesi, tena hi avatthusmiṃ ajānantena paṇāmitā. Ayampi ubhatokoṭṭiko pañho tavānuppatto. So tayā nibbāhitabbo ”ti.

2. “Bhāsitampeṭaṃ mahārāja bhagavatā: ‘**Akkodhano vigatakhīlo ’hamasmī** ’ti paṇāmitā ca therā sārīputtamoggallānā saṅgāsā. Tañca pana na kopena. Idha mahārāja kocideva puriso mahāpaṭṭhaviyā mūle vā khāṇuke vā pāsāṇe vā kaṭhale vā visame vā bhūmibhāge khalitvā patati, api nu kho mahārāja mahāpaṭṭhavi kupitā taṃ pāṭeti ”ti?

“Na hi bhante. Natthi mahāpaṭṭhaviyā kopo vā pasādo vā, anunaya-paṭṭhaviyā mahāpaṭṭhavi. Sayameva so alaso khalitvā patito ”ti.

“Evameva kho mahārāja natthi tathāgatānaṃ kopo vā pasādo vā, anunaya-paṭṭhaviyā mahāpaṭṭhavi tathāgatā arahanto sammāsambuddhā, atha kho sayāṃ kateneva te attano aparādhena paṇāmitā. Idha pana mahārāja samuddo na matena kuṇāpāna saṃvasati. Yaṃ hoti mahāsamuddo matāṃ kuṇāpānaṃ, taṃ khippameva nicchubhati, thalaṃ ussādeti. Api nu kho mahārāja mahāsamuddo kupīto taṃ kuṇāpānaṃ nicchubhati ”ti?

3. “Na hi bhante. Natthi mahāsamuddo kopo vā pasādo vā. Anunaya-paṭṭhaviyā mahāsamuddo ”ti.

“Evameva kho mahārāja natthi tathāgatānaṃ kopo vā pasādo vā. Anunaya-paṭṭhaviyā mahāpaṭṭhavi tathāgatā arahanto sammāsambuddhā. Atha kho sayāṃ kateneva te attano aparādhena paṇāmitā.

12. CÂU HỎI VỀ VIỆC ĐÃ GIẢI TÁN CÁC VỊ TỶ KHƯU:

1. “Thưa ngài Nāgasena, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: **‘Ta không có nổi giận, không có khát khe.’** Và thêm nữa, đức Như Lai đã giải tán hai vị trưởng lão Sāriputta và Moggallāna cùng với đồ chúng (của hai vị). Thưa ngài Nāgasena, có phải đức Như Lai đã giải tán đồ chúng khi bị nổi giận, hay là đã giải tán khi được vui vẻ? Điều này như thế nào thì ngài biết lấy. Thưa ngài Nāgasena, nếu đã giải tán đồ chúng khi bị nổi giận, như thế thì đối với đức Thế Tôn sự nổi giận còn chưa được dứt trừ. Nếu đã giải tán đồ chúng khi được vui vẻ, như thế thì (đồ chúng) đã bị giải tán khi không có có sự, trong khi không hay biết. Câu hỏi này cũng có cả hai khía cạnh, được dành cho ngài. Nó nên được giải quyết bởi ngài.”

2. “Tâu đại vương, điều này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến: ‘Ta không có nổi giận, không có khát khe,’ và hai vị trưởng lão Sāriputta và Moggallāna cùng với đồ chúng đã bị giải tán. Tuy nhiên, điều ấy không do sự nổi giận. Tâu đại vương, ở đây có người nam nào đó vấp chân vào rễ cây, hoặc gốc cây, hoặc cục đá, hoặc miếng sành, hoặc chỗ đất không bằng phẳng rồi té ngã. Tâu đại vương, phải chăng đại địa cầu này bị nổi giận rồi làm cho người ấy té ngã?”

“Thưa ngài Nāgasena, không đúng. Đối với đại địa cầu không có sự nổi giận hay vui thích. Đại địa cầu được thoát khỏi sự ừng ý và ghét bỏ. Kẻ ấy chính tự mình lơ dẽnh nên mới bị vấp chân rồi té ngã.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế đối với các đức Như Lai không có sự nổi giận hay vui thích. Các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, đã thoát khỏi sự ừng ý và ghét bỏ. Lúc bấy giờ, các vị ấy chính vì việc đã làm của mình nên mới bị giải tán vì sự sai trái của bản thân. Tâu đại vương, hơn nữa ở đây biển cả không sống chung với xác chết. Nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy ra khỏi, hoặc hất lên đất liền. Tâu đại vương, phải chăng biển cả bị nổi giận rồi đưa xác chết ấy ra khỏi?”

3. “Thưa ngài, không đúng. Đối với biển cả không có sự nổi giận hay vui thích. Biển cả được thoát khỏi sự ừng ý và ghét bỏ.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế đối với các đức Như Lai không có sự nổi giận hay vui thích. Các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, đã thoát khỏi sự ừng ý và ghét bỏ. Lúc bấy giờ, các vị ấy chính vì việc đã làm của mình, vì sự sai trái của bản thân nên mới bị giải tán.

Yathā mahārāja paṭhaviyā khalito patati,¹ evaṃ jinasāsanavare khalito paṇāmiyati. Yathā mahāsamudde mataṃ kuṇapaṃ nicchubhati,² evaṃ jinasāsanavare khalito paṇāmiyati.

Yaṃ pana te mahārāja tathāgato paṇāmesi, tesam atthakāmo hitakāmo sukhakāmo visuddhikāmo, ‘evaṃ ime jātijarāvyādhimaraṇā parimuccissanti ’ti paṇāmesi ”ti.

“Sādhu bhante nāgasena! Evametaṃ tathā sampaṭicchāmī ”ti.

Bhikkhupaṇāmanapañho bārasamo.

Paṇāmitavaggo tatiyo.
(Imasmiṃ vagge bārasa pañhā)

--ooOoo--

¹ patīyati - Ma, PTs.

² nicchubhīyati - Ma, PTS.

Tâu đại vương, giống như người bị lỗi lầm với trái đất rồi té ngã, tương tự y như thế người bị lỗi lầm với lời dạy cao quý của đấng Chiến Thắng thì bị giải tán. Giống như xác chết ở trong biển cả thì bị đưa ra khỏi, tương tự y như thế người bị lỗi lầm với lời dạy cao quý của đấng Chiến Thắng thì bị giải tán.

Tâu đại vương, hơn nữa việc đức Như Lai đã giải tán các vị ấy với sự mong muốn điều lợi ích, mong muốn điều tốt đẹp, mong muốn sự an lạc, mong muốn sự thanh tịnh cho các vị ấy; Ngài đã giải tán (nghĩ rằng): ‘Như vậy những người này sẽ được hoàn toàn giải thoát khỏi sanh-già-bệnh-chết.’”

“Thưa ngài Nāgasena, tốt lắm! Trẫm chấp nhận điều này đúng theo như vậy.”

Câu hỏi về việc đã giải tán các vị tỳ khuru là thứ mười hai.

Phẩm Đã Bị Giải Tán là thứ ba.
(Trong phẩm này có mười hai câu hỏi)

--ooOoo--